

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST

Ngày: 15/6/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Hợp**

Ông **Nhâm Đức Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Tấn Lực** - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2021/TLST-DS, ngày 02 tháng 08 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐDS-ST ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** - Chị **Võ Thị V**, sinh năm 1987.

- Chị **Dương Thị C**, sinh năm 1991.

- Chị **Lê Hồng C1**, sinh năm: 1997.

Cùng địa chỉ: Ấp Th H, xã M Th A, huyện Ch Th, tỉnh KG.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị V, chị C và chị Hồng C1: Anh **Chiêm Thành L**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp A Kh, xã M H, huyện Ch Th, tỉnh KGi (Theo giấy ủy quyền ngày 29/3/2022).

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Trúc X**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp Th H, xã M Th A, huyện Ch Th, tỉnh KG.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị **Trần Thị Diệu H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp Th H, xã M Th A, huyện Ch Th, tỉnh K.

(Anh L có mặt; chị X, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị V, chị Dương Thị C trình bày như sau:** Vào khoảng năm 2018 chị V và chị C có tham gia chơi hụi do chị Nguyễn Trúc X làm chủ. Chị V và chị M C tham gia 02 dây hụi: một dây 5.000.000 đồng/tháng, tham gia 01 chân và một dây 3.000.000 đồng/tháng thì tham gia 01 chân hụi. Hai dây hụi này chị V và chị C chưa hốt hụi lần nào. Đến tháng 5/2021 (âm lịch) là kết thúc 02 dây hụi thì chị X tuyên bố bế hụi. Sau đó, chị V, chị C và chị X có thỏa thuận là chị X còn nợ hụi chị V và chị C số tiền là 327.000.000 đồng. Đến ngày 07/4/2021 chị X và chị V, chị C cùng xác nhận chị X còn nợ chị V và chị C số tiền là 327.000.000 đồng, các bên có lập thành biên nhận mượn tiền và cam kết trả lại nợ đề ngày 07/4/2021 nhưng thực chất số tiền này là tiền nợ hụi. Từ khi ký nhận nợ cho đến nay chị X chưa trả gốc và lãi cho các chị theo thỏa thuận.

Việc chị X cho rằng giữa chị V, chị C và chị X có thỏa thuận chị Trần Thị Diệu H trả nợ thay cho chị X tổng số tiền là 648.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/5/2021 (Trong đó, có số tiền 327.000.000 đồng theo biên nhận đề ngày 07/4/2021) là hoàn toàn không đúng sự thật. Việc thỏa thuận này chỉ có mặt chị Lê Hồng C1 và chị X, chị Diệu H. Còn chị V và chị C không có mặt vào thời điểm đó nên chị V và chị C không đồng ý cho chị H trả nợ thay cho chị X.

Nay chị Võ Thị V và chị Dương Thị C yêu cầu chị Nguyễn Trúc X trả cho chị V, chị C số tiền nợ hụi là 327.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền và cam kết trả nợ vào ngày 07/4/2021 và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 07/4/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Chị V và chị C không đồng ý cho chị Trần Thị Diệu H trả nợ thay cho chị X.

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Hồng C1 trình bày như sau:** Vào năm 2019 chị có tham gia chơi hụi do chị Nguyễn Trúc X làm chủ. Chị tham gia 08 chân hụi, chị chưa hốt hụi lần nào. Đến tháng 5/2021 (âm lịch) là hụi kết thúc thì chị X tuyên bố bế hụi. Sau đó, chị với chị X có thỏa thuận chị X còn nợ chị số tiền là 324.000.000 đồng. Đến ngày 07/4/2021 chị X và chị cùng xác nhận chị X còn nợ chị số tiền hụi là 324.000.000 đồng. Các bên có lập biên nhận mượn tiền và cam kết trả nợ vào ngày 07/4/2021, thực tế số tiền

này là tiền nợ hụi. Từ khi ký nhận nợ cho đến nay chị X chưa trả gốc và lãi cho chị theo thỏa thuận.

Việc chị X cho rằng giữa chị và chị X có sự thỏa thuận cho chị Trần Thị Diệu H trả nợ thay chị X tổng số tiền là 648.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/5/2021 (Trong đó, có số tiền 324.000.000 đồng theo biên nhận đề ngày 07/4/2021) là hoàn toàn không đúng sự thật. Chị Hồng C1 xác nhận vào ngày 21/5/2021 tại nhà của chị có mặt chị, anh Phương, chị Nguyễn Trúc X, chị Trần Thị Diệu H, chị Trần Thị Thanh, chị Dương Thị Mỹ Phúc. Khi đó, chị X và chị H có thỏa thuận là chị H sẽ trả nợ thay chị X cho chị, chị V và chị Hồng C1. Biên nhận đề ngày 21/5/2021 là do anh Phương viết dùm cho chị H nhưng chị không đồng ý cho chị H trả nợ thay nên chị không có ký tên vào và cũng không có giữ bản gốc biên nhận ngày 21/5/2021.

Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Trúc X trả cho chị số tiền là 324.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền và cam kết trả nợ vào ngày 07/4/2021 và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07/4/2021 đến khi xét xử sơ thẩm. Chị không đồng ý cho chị Trần Thị Diệu H trả nợ thay cho chị X.

**** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Trúc X trình bày như sau:***

Năm 2018 chị Võ Thị V, chị Dương Thị C và năm 2019 chị Lê Hồng C1 có tham gia hụi do chị làm chủ hụi. Chị V và chị C tham gia 02 dây hụi, một dây hụi 5.000.000 đồng/tháng tham gia 01 chân hụi và một dây hụi 3.000.000 đồng/tháng tham gia 01 chân hụi. Chị Hồng C1 tham gia 08 chân hụi. Chị V, chị C và chị Hồng C1 chưa hốt hụi lần nào, toàn bộ là hụi sống. Chị X xác nhận chị còn nợ chị V và chị C số tiền hụi là 327.000.000 đồng, còn nợ chị Hồng C1 số tiền hụi là 324.000.000 đồng. Đến ngày 07/4/2021 các bên có làm biên nhận mượn tiền và cam kết trả nợ đề ngày 07/4/2021 nhưng thực chất đây là số tiền nợ hụi. Nội dung biên nhận giữa chị với chị V và chị C: “ghi số tiền mượn là 309.000.000 đồng + 18.000.000 đồng”. Nội dung biên nhận giữa chị với chị Hồng C1: “ghi số tiền mượn là 296.000.000 đồng + 28.000.000 đồng”. Chị X thừa nhận có ký tên vào 02 biên nhận nêu trên.

Đến ngày 21/5/2021 chị X cùng chị V, chị C và chị Hồng C1 thống nhất số tiền nêu trên sẽ do chị Trần Thị Diệu H, sinh năm 1986 trú tại ấp Thanh Hòa, xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang có trách nhiệm trả nợ cho chị V, chị C và chị Hồng C1. Các bên có làm giấy biên nhận nợ với nhau với tổng số tiền là 648.000.000 đồng (Trong đó, có số tiền là 327.000.000 đồng chị X nợ của chị V, chị C và số tiền 324.000.000 đồng chị X nợ của chị Lê Hồng C1). Trong biên nhận ngày 21/5/2021 chỉ ghi tên chị Lê Hồng C1 vì chị C1 là người đại diện

của chị V, chị C. Khi đó, chị Hồng C1 cũng đồng ý cho chị H trả nợ thay cho chị. Biên nhận này do chị H viết và ký tên vào.

Nay chị Võ Thị V và chị Dương Thị C yêu cầu chị trả số tiền 327.000.000 đồng và chị Lê Hồng C1 yêu cầu chị trả số tiền 324.000.000 đồng theo 02 biên nhận mượn tiền và cam kết trả nợ đề ngày 07/4/2021 thì chị X không đồng ý. Vì chị X đã chuyển giao nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho chị Trần Thị Diệu H và chị H cũng đã đồng ý trả nợ thay cho chị nên chị không còn liên quan đến số tiền này nữa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Diệu H trình bày:***

Vào năm 2019 chị H có tham gia chơi hụi do chị Nguyễn Trúc X làm chủ, chị H có nợ chị X số tiền hụi là hơn 700.000.000 đồng. Sau đó, vào ngày 21/5/2021 tại bà Ba thì chị H có thống nhất trả nợ thay cho chị X với số tiền là hơn 600.000.000 đồng. Biên nhận đề ngày 21/5/2021 là do anh Phương viết và chị H có ký tên vào biên nhận. Trong biên nhận này chị H xác nhận chị trả nợ cho chị Lê Hồng C1 chứ chị không biết chị X nợ chị Võ Thị V và chị Dương Thị C bao nhiêu tiền. Khi đó chị Hồng C1 cũng đồng ý cho chị H trả nợ thay cho chị X.

Nay chị Võ Thị V, chị Dương Thị C và chị Lê Hồng C1 yêu cầu chị Nguyễn Trúc X trả cho chị V và chị C số tiền hụi là 327.000.000 đồng và trả cho chị Lê Hồng C1 số tiền hụi là 324.000.000 đồng là số tiền ghi trong biên nhận đề ngày 21/5/2021 thì chị H đồng ý trả cho chị V, chị C và chị Hồng C1 thay cho chị X nhưng xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

**** Tại phiên tòa:***

- Anh **Chiêm Thành L** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị V, chị C và chị Hồng C1 trình bày: Giữ nguyên ý kiến của các nguyên đơn đã trình bày. Yêu cầu chị X trả cho chị V và chị C số tiền nợ hụi là 327.000.000 đồng. Trả cho chị Hồng C1 số tiền nợ hụi 324.000.000 đồng. Rút lại phần yêu cầu tính lãi suất. Không đồng ý cho chị Trần Thị Diệu H trả nợ thay cho chị X.

- Ông **Huỳnh Tấn Lực** - Đại diện VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa và phát biểu quan điểm như sau: Quá trình giải quyết án những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của [Bộ luật Tố tụng dân sự](#) và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đơn nguyên chị V, chị C, chị Hồng C1. Buộc chị Nguyễn Trúc X phải có nghĩa vụ trả

cho chị Võ Thị V, chị Dương Thị C số tiền nợ hui là 327.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu đồng). Buộc chị Nguyễn Trúc X có nghĩa vụ trả cho chị Lê Hồng C1 số tiền nợ hui là 324.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng). Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn chị Võ Thị V, chị Dương Thị C và chị Lê Hồng C1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết án: Tại đơn khởi kiện các đơn nguyên yêu cầu bị đơn trả tiền nợ vay, trong quá trình thụ lý vụ án xác lập quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn xác nhận là tiền nợ hui nên HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Chị Nguyễn Trúc X là bị đơn; chị Trần Thị Diệu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị X, chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị X và chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án các đơn nguyên có yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 07/4/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà các nguyên đơn đã rút.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị V, chị Dương Thị C và chị Lê Hồng C1: Chị V và chị C yêu cầu chị X trả cho các chị số tiền nợ hui là 327.000.000 đồng. Chị Hồng C1 yêu cầu chị X trả cho chị tiền nợ hui là 324.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện chị V, chị C cung cấp cho Tòa án biên nhận tiền vay và cam kết trả nợ vào ngày 07/4/2021 (bút lục 12). Chị Hồng C1 cung cấp cho Tòa án biên nhận tiền vay và cam kết trả nợ vào ngày 07/4/2021 (bút lục 67). Quá trình giải quyết vụ án chị X thừa nhận: Chị còn nợ tiền

hụi của chị V và chị C số tiền là 327.000.000 đồng và của chị Hồng C1 số tiền là 324.000.000 đồng. Chị X đã xác nhận nợ bằng 02 biên nhận mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 07/4/2021 mà chị V, chị C, chị Hồng C1 cung cấp cho tòa án là đúng và chữ ký tên trong 02 biên nhận nêu trên là của chị. Nhưng chị X không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Vì chị cho rằng: Ngày 21/5/2021, chị X cùng chị V, chị C, chị Hồng C1 thống nhất số tiền nợ nêu trên sẽ do chị Trần Thị Diệu H chịu trách nhiệm trả nợ cho chị V, chị C và chị Hồng C1 thay cho chị. Khi đó, các bên làm giấy biên nhận nợ với nhau với tổng số tiền là 648.000.000 đồng (Trong đó, gồm số tiền 327.000.000 đồng chị X nợ của chị V, chị C và số tiền 324.000.000 đồng chị X nợ của chị Lê Hồng C1) do chị Lê Hồng C1 đứng tên đại diện trong biên nhận. Việc thỏa thuận cũng được chị H đồng ý và ký tên vào biên nhận.

3.2. Xét lời khai của chị Nguyễn Trúc X, HĐXX nhận thấy: Chị X cho rằng đã chuyển giao nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho chị H, thỏa thuận này được xác lập bằng biên nhận ngày 21/5/2021 có sự đồng ý của các nguyên đơn và chị H. Tại biên bản lấy lời khai (bút lục 34) và biên bản đối chất (bút lục 56, 57) chị H thừa nhận chị có đồng ý thay chị X trả nợ cho chị Hồng C1, chị có ký tên vào biên nhận ngày 21/5/2021, khi ký nhận nợ thì chị không biết chị V, chị C là ai và nay chị cũng đồng ý trả nợ cho chị V, chị C và chị Hồng C1 thay cho chị X. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn không thừa nhận có việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ chị X cho chị H, các nguyên đơn không giữ bản gốc biên nhận ngày 21/5/2021 cũng không có ký tên vào bất cứ biên nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ như chị X và chị H trình bày nên các nguyên đơn không đồng ý cho chị H trả nợ thay chị X. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị X và chị H cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ chị X cho chị H (cụ thể là bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực biên nhận ngày 21/5/2021) nhưng hết thời hạn chị X và chị H cũng không cung cấp được. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn cũng không đồng ý cho chị H trả nợ thay cho chị X. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn xác định chị H chưa bao giờ đến liên lạc với các nguyên đơn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay chị X như chị H và chị X khai nhận và tại biên ghi lời khai của chị H (bút lục 34, 35) khai nhận: *“Tôi không có trả, do tôi không có khả năng thanh toán”*.

Đối chiếu với quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự 2015, cụ thể quy định như sau:

1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ;

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ.

Do đó, xét thấy sự thỏa thuận giữa chị X và chị H không có giá trị pháp lý do không được bên có quyền là chị V, chị C và chị Hồng C1 đồng ý nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Phía chị X cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của chị là đúng sự thật nên không đủ căn cứ để xem xét và chấp nhận.

Từ những sở cớ và nhận định trên, xét thấy: Vào năm 2018 và 2019 chị V, chị C và chị Hồng C1 có tham gia chơi hụi do chị X làm chủ. Sau đó, chị X bị bế hụi nên các bên có thỏa thuận nợ với nhau. Việc thỏa thuận nợ được xác lập bằng 02 biên nhận mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 07/4/2021 nhưng từ đó cho đến nay chị X không trả nợ cho các nguyên đơn. Xét thấy, giữa các đương sự trong vụ án có thực hiện giao dịch góp hụi với nhau là có thật, được các bên đương sự thừa nhận, việc tham gia chơi hụi giữa các nguyên đơn với bị đơn là hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc. Quá trình giải quyết vụ án chị X thừa nhận còn nợ chị Võ Thị V và chị Dương Thị C số tiền hụi là 327.000.000 đồng và nợ chị Lê Hồng C1 số tiền nợ hụi là 324.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của các đơn nguyên là có sở chấp nhận. Do đó, buộc chị Nguyễn Trúc X phải trả cho chị Võ Thị V và chị Dương Thị C số tiền nợ hụi là 327.000.000 đồng. Trả cho chị Lê Hồng C1 số tiền nợ hụi là 324.000.000 đồng.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án dân sự giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của các đơn nguyên được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Chị Nguyễn Trúc X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí tính như sau: $651.000.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 4\% (251.000.000 \text{ đồng}) = 20.000.000 \text{ đồng} + 10.040.000 \text{ đồng} = 30.040.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, bụi, biên, phường;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 / UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đơn nguyên Chị Võ Thị V, chị Dương Thị C và chị Lê Hồng C1.

Buộc chị Nguyễn Trúc X có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị V, chị Dương Thị C số tiền nợ hui là 327.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Buộc chị Nguyễn Trúc X có nghĩa vụ trả cho chị Lê Hồng C1 số tiền nợ hui là 324.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày chị Võ Thị V, chị Dương Thị C và chị Lê Hồng C1 có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Trúc X chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nói trên, thì hàng tháng chị X còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của chị Võ Thị V, chị Dương Thị C và chị Lê Hồng C1

3/ Về phí dân sự giá ngạch: Buộc chị Nguyễn Trúc X phải nộp 30.040.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Võ Thị V, chị Dương Thị C số tiền tạm ứng án đã nộp 8.175.000 đồng theo biên lai số: 0001780, ngày 07/07/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (do chị V nộp).

Hoàn trả cho chị Lê Hồng C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.100.000 đồng theo biên lai số: 0001778, ngày 07/07/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

4 / Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị V, chị Dương Thị C và chị Lê Hồng C1 có bản quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Trúc X và chị Trần Thị Diệu H có bản quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc được thông qua bản án.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận :

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Lê Thị Thanh Thảo**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Ứng Cường**.

2. Ông **Vũ Văn Hợp**.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 246/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ giữa:

* **NGUYỄN B-N**: Bà Phạm Thu Thủy, **SINH NĂM 1965** (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa Hiệp, **HUYỆN CHƠI THỦNH, TỈNH HIAN GIANG**.

* **BP B-N**: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ph , **SINH NĂM 1971** (Vắng mặt và đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐƠN CHƠI Tổ 5, ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa Hiệp, **HUYỆN CHƠI THỦNH, TỈNH HIAN GIANG**.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

* Kết quả biểu quyết: 3/3

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 1, Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 264, 266, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* Kết quả biểu quyết: 3/3

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thu Thủy.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị Mỹ Ph có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thu Th số tiền hui còn nợ là 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp

luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Kết quả biểu quyết: 3/3

Bà Nguyễn Thị Mỹ Ph có nghĩa vụ nộp 9.400.000 đồng (Chín triệu, bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Hoàn trả cho bà Phạm Thu Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.700.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000842, ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Bà Phạm Thu Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Mỹ Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 01 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thảo

